TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/HS-ST
Ngày: 20/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tuyết

Bà Trần Nguyệt Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm – Thư ký Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đẩu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 80/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1991 tại: PY; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TP, xã XSB, huyện ĐX, tỉnh PY; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân N và bà Đỗ Thị T; Chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 06/9/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bản án bị kháng nghị theo trình tự thủ tục tái thẩm, đến ngày 20/2/2019 bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tái thẩm, tuyên hủy bản án sơ thẩm số 101/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12/11/2019, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án, xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Ngày 23/9/2019 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", có kháng cáo đến ngày 25/11/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Ngày 24/4/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định tổng hợp hình phạt số 06/2020/QĐ-THHP, tổng hợp hình phạt cả 02 bản án của Tòa án nhân dân Quận 6 và Tòa án nhân dân Quận 1 là 04 (bốn) năm tù, đến ngày

06/11/2021 đã chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 29/4/2022 bị Tòa án nhân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 01/9/2024 đã chấp hành xong hình phạt tù (đã chấp hành xong án án); Nhân thân: Ngày 22/8/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", đến ngày 10/10/2013 đã chấp hành xong hình phạt tù (đã chấp hành xong bản án).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2024 (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn V, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1958 tại: HN; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số CB CC, phường AB, quận LC, Thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: FBI/ECA CMTT, Phường O, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N1 và bà Vũ Thị H; Có vợ tên Trương Thị H1 (đã ly hôn); Có 02 người con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/02/1986 bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xử phạt 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", đến ngày 27/7/1988 đã chấp hành xong hình phạt tù (đã chấp hành xong bản án); Ngày 28/01/1991 bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", có kháng cáo, ngày 01/3/1991, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", đến 06/10/1992 đã chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 02/12/1994 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", có kháng cáo, ngày 17/3/1995, Tòa án nhân dân tối cao xử y án sơ thẩm, đến ngày 02/10/1997 đã chấp hành xong hình phạt tù (đã chấp hành xong bản án); Ngày 17/3/1999 bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội xử phạt 22 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", có kháng cáo, ngày 02/6/1999, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử y án sơ thẩm, đến ngày 11/8/2001 đã chấp hành xong hình phạt tù (đã chấp hành xong bản án); Ngày 25/02/2004, Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng xử 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 06/01/2007 đã chấp hành xong hình phạt tù (đã chấp hành xong bản án).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2024 (có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Bà Lê Thị Hoàng N2, sinh năm 1998; Nơi cư trú: BXBA DT, phường DH, thành phố P, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Phạm T1, sinh năm 1975; Nơi cư trú: BD/B/C TCH XG, phường TCH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Ông Lê Minh H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: 841/1 ấp 1, Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 24/9/2024, Nguyễn Văn S một mình đến bệnh viện X, địa chỉ: 929 THĐ, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để ngủ qua đêm và lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của mọi người tìm cách trộm cắp tài sản. Khi đến phòng số 233, Lầu 2, Khoa Nhi, S phát hiện bà Lê Thị Hoàng N2 đang nằm ngủ trong phòng, trên đầu giường bệnh số 51 và 52, bà N2 có để 02 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại di động hiệu lphone 15 Pro, màu trắng và 01 điện thoại di động hiệu Realme C65 màu xanh) trên đầu giường để sạc pin. Lợi dụng lúc bà N2 ngủ say và không ai trông coi nên S lén lút dùng tay rút cục sạc và lấy 02 chiếc điện thoại nêu trên rồi rời khỏi bệnh viện. S đón xe ôm (không rõ lai lịch người chở) đi đến khu vực giao lộ B - Đ, Quận A. Tại đây, S gặp Nguyễn Văn V (là người chạy xe ôm), S nhờ V chở đi tìm nơi bán 02 điện thoại mà S vừa trộm cắp được, V biết điện thoại S nhờ V chở đi bán là tài sản do phạm tội mà có (không rõ nguồn gốc, không mở được mật khẩu, giá rẻ hơn giá thị trường). Sau khi được V chở đi tìm các cửa hàng điện thoại để bán nhưng không được, S đề nghị bán điện thoại cho V, V đồng ý và mua lại chiếc điện thoại hiệu Iphone 15 Pro với số tiền 700.000 đồng. Sau đó, S tiếp tục nhờ V chở S ra bến xe Y, Quận E để bắt xe đi Bến Tre. Khi đến Bến Tre, S đến cửa hàng điện thoại "Lê Minh" tại địa chỉ địa chỉ 841/1, ấp A, SĐ, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bán chiếc điện thoại di động hiệu Realme C65 với số tiền 1.800.000 đồng cho ông Lê Minh H (ông H không biết điện thoại trên do phạm tội mà có). Số tiền bán 02 chiếc điện thoại trộm cắp của bà N2, S đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc điện thoại hiệu Iphone 15 Pro của S, V bán lại cho ông Phạm T1 với giá 5.000.000 đồng, số tiền trên, V đã tiêu xài cá nhân hết. Ông T1 đến cửa hàng điện thoại "HG" tại địa chỉ số 212 NTT, Phường Z, quận BT để bán lại chiếc điện thoại đã mua của V cho Nguyễn Viết H1 (T1 và H1 không biết điện thoại trên mà V bán lại là do phạm tội mà có), tuy nhiên sau khi biết chiếc điện thoại di động mà Thực đã mua và bán cho Hưng, Thực đã bỏ tiền ra chuộc lại từ Hưng và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an. Sau khi bán chiếc điện thoại Realme cho ông H, S quay lại Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an Quận 5 bắt giữ. Qua truy xét Cơ quan điều tra mời đối tượng Nguyễn Văn V đến làm việc. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 để thụ lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 15 Pro, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C65, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 95/KL-HĐĐGTS ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng Hình sự thuộc Uỷ ban nhân dân Quận 5 kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 15 Pro, đã

qua sử dụng, tỷ lệ mới 90%, có giá 18.500.000 đồng/chiếc (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C65, đã qua sử dụng, tỷ lệ mới 55%, có giá 2.000.000 đồng/chiếc (hai triệu đồng). Tổng cộng 20.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị Hoàng N2 đã nhận lại tài sản nên yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Ông Phạm T1 và ông Lê Minh H không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Bản cáo trạng số: 56/CT-VKS ngày 28/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Trộm cắp tài sản" quy định điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Trộm cắp tài sản"; truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức án từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách nhà nước.

Về vật chứng đã thu hồi trả lại cho bị hại nên đề nghị không xem xét;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị Hoàng N2 đã nhận lại tài sản nên yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông Phạm T1 và ông Lê Minh H không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận và đều nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Văn S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 15 Pro và 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C65 của bà Lê Thị Hoàng N2 tại phòng số 233, lầu 2 Khoa Nhi của Bệnh Viện X, số 929 THĐ, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự, 02 chiếc điện thoại di động nêu trên trị giá 20.500.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Do bị cáo S có 03 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, nên tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Nguyễn Văn V biết 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 15 Pro, trị giá 18.500.000 đồng là tài sản do bị cáo S trộm cắp mà có nhưng bị cáo V đã mua và đem bán lại cho người khác để được hưởng lợi nên hành vi của bị cáo V đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét các bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết được hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Bản thân các bị cáo từng bị Tòa án xét xử rất nhiều lần về các hành vi chiếm đoạt tài sản, có nhân thân rất xấu nhưng các bị cáo không biết sửa đổi bản thân, làm người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và

nhân thân của từng bị cáo; nhằm mục đích giáo dục các bị cáo, bên cạnh đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Bị cáo V phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, để các bị cáo có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về khoản tiền thu lợi bất chính: Bị cáo S phạm tội chiếm đoạt tài sản nên bị chịu trách nhiệm hình sự và không được hưởng lợi gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị cáo Nguyễn Văn V được hưởng lợi bất chính với số tiền 4.300.000 đồng từ việc bán chiếc điện thoại di động hiệu iphone (mua 700.000 đồng, bán 5.000.000 đồng) nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo V nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính để sung ngân sách nhà nước.

[8] Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[9] Đối với Phạm T1 do không biết chiếc điện thoại di động hiệu iphone 15 Pro mua của bị cáo V là do phạm tội mà có, đến khi biết chiếc điện thoại trên là tài sản do trộm cắp mà có Thực đã chuộc lại chiếc điện thoại và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ cơ sở xử lý Thực về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Viết H1 không biết chiếc điện thoại di động hiệu iphone 15 Pro mà T1 bán là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ cơ sở xử lý H1 về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lê Minh H không biết chiếc điện thoại di động hiệu Realme C65 mà bị cáo S bán là do phạm tội mà có. nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ cơ sở xử lý Hờ về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 15 Pro, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C65, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị Hoàng N2 đã nhận lại tài sản nên yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Phạm T1 và ông Lê Minh H không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền mà các ông đã bỏ ra mua các chiếc điện thoại di động từ bị cáo S và V nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn V là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và tại phiên tòa có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo V được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 2 Điều 53; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ Khoản 1 Điều 323; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 01 (một) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn V được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an TPHCM;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận 5;
- Phòng PV 06 – Công an TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thanh Tiền